

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/HNGĐ- PT.

Ngày: 13/5/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều T

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng L

Bà Tôn Thị Xuân T

Thư ký phiên tòa: Bà Chữ Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội : Bà Ngô Phương L – KSV

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 04/2021/TLPT - HNGĐ ngày 15 tháng 1 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 168/2020/HNGĐ - ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T , thành phố H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2021/QĐ – PT ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐ-HPT ngày 07/5/2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Minh H** , sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 660, đường Lạc Long Q , tổ 11, cụm 2, phường N , quận T , thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 25, ngõ 656 đường Lạc Long Q , phường N , quận T , thành phố H .

Bị đơn: Anh **Trần Chí T** , sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 660, đường Lạc Long Q , tổ 11, cụm 2, phường N , quận T , thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn chị Chu Thị Minh H trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường N , quận T , thành phố H ngày 25/4/2006. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà chung sống ở Nghĩa Đ khoảng một năm thì chuyển về địa chỉ Số nhà 660, đường Lạc Long Q , tổ 11, cụm 2, phường N , quận T , thành phố H.

Quá trình chung sống anh chị H phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng do hai bên gia đình hòa giải nên hai vợ chồng lại chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh T rượu chè, hay đi sớm về khuya, có hành vi bạo lực với vợ con nhưng chị H không trình báo cho chính quyền địa phương, cơ quan hai bên công tác mà chỉ có gia đình hai bên biết. Tháng 8/2019, anh chị tuy chung sống cùng một nhà nhưng đã ly thân, không còn sinh hoạt vợ chồng. Đến tháng 4/2020, chị đưa con chung ra ngoài thuê, không ở cùng chồng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị H không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Gia đình hai bên có hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị H đã cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng không chuyển biến. Chị cũng không tìm được phương án hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T .

2. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Trần Thành M, sinh ngày 26/10/2007 và Trần Hạnh N, sinh ngày 19/01/2013.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, do hai vợ chồng đều có thu nhập, công việc ổn định, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N ; anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp mà anh T không muốn nuôi cháu M thì chị H cũng đồng ý nuôi 2 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

3. Về tài sản nhà đất, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn, anh Trần Chí T trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với ý kiến của chị H về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận từ khi kết hôn cho đến nay. Vợ chồng không có xích mích, mâu thuẫn; bản thân anh chưa đánh vợ bao giờ, anh cũng không rượu chè hoặc không quan tâm đến gia đình. Hàng năm anh chị đều dành thời gian để đi nghỉ mát cùng đồng nghiệp hai cơ quan. Thời gian chị H chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 4/2020, anh cũng đã sang nhà chị H thuê nhiều lần để gặp chị H và thăm các con nhưng chị H không gặp; các cháu bảo anh không được vào nhà vì chị H ngăn cản không cho gặp.

Nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn rất yêu vợ, muốn giữ gia đình có đủ bố mẹ vì các con. Anh đã thể hiện thiện chí với chị H , nhắn tin cho chị nhiều lần nhưng chị không trả lời. Anh cam kết sẽ cố gắng sống tốt hơn, tìm cách quan tâm, nói chuyện vợ con nhiều hơn để đoàn tụ với chị H .

2. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Trần Thành M, sinh ngày 26/10/2007 và Trần Hạnh N, sinh ngày 19/01/2013.

Nếu Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị H, đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

3. Về tài sản nhà đất, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 168/2020/HNGĐ - ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H đã quyết định như sau :

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Thị Minh H đối với anh Trần Chí T.

- Về con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Chu Thị Minh H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Chu Thị Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, cho chị được ly hôn với anh Trần Chí T.

Về con chung: Chị xin được nuôi cháu Trần Hạnh N. Trường hợp anh T không muốn nuôi cháu M thì chị H cũng đồng ý nuôi 2 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chị H không yêu cầu giải quyết.

Anh T có ý kiến tại bản khai: Về nguyên nhân dẫn đến việc chị H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn, theo anh nghĩ là do bản thân anh phải lo toan cuộc sống hàng ngày để có thu nhập cho cuộc sống gia đình và trả nợ khi làm nhà nên anh phải đi làm, tiếp xúc với nhiều người, và có nhiều mối quan hệ nên vợ đã hiểu nhầm. Ngoài ra, không có một lý do nào khác, vì bản thân anh không rượu chè, cờ bạc hoặc chơi bời. Luôn nghiêm túc với bản thân mình và sống đúng mực với đồng nghiệp và các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, từ khi chị H đưa 02 con ra khỏi nhà, mặc dù anh đã rất cố gắng níu kéo hôn nhân, tìm đủ mọi cách để chị H hiểu rằng anh rất yêu và cần gia đình nhưng chị H nhất quyết cự tuyệt. Đến nay, anh thấy tình cảm của vợ chồng đã hết, rạn nứt không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định có được hai cháu là Trần Thành M (sinh ngày 26/10/2007, con trai) và Trần Hạnh N (sinh ngày 19/01/2013, con gái). Nếu ly hôn, anh đề

nghe được nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con. Nếu chị H không đồng ý, anh đề nghị Tòa quyết định và anh chấp hành.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, vợ chồng không có nơi ở riêng nên đã phải thuê nhà ở tại tầng 11 ngõ 191 đường Lạc Long Q, T, H. Được sự nhất trí của cả 2 anh vợ, vợ chồng đã vay mượn và làm nhà tại 660 đường Lạc Long Q (đất của bố mẹ chị H để lại), hiện là nơi gia đình đang sinh sống. Đến năm 2017, nhà xuống cấp, ẩm thấp và sợ dịch bệnh cho gia đình, vợ chồng cải tạo lại nhà, chị H đồng ý và anh đã đi vay mượn tiền để xây ngôi nhà như hiện nay (04 tầng và 01 tum). Vấn đề này, anh không đề nghị Tòa giải quyết. Nếu xảy ra tranh chấp, sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Do công việc bận và thường xuyên phải đi công tác, nên anh xin phép vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Chu Thị Minh H là hợp lệ. Sau khi phát biểu nội dung và căn cứ giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ luật Hôn nhân gia đình, căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật dân sự, đề nghị sửa bản án sơ thẩm cho chị Chu Thị Minh H ly hôn anh Trần Chí T. Về con: Giao cháu Thành Minh cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hạnh Nguyên cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp nuôi con cho nhau. Về tài sản: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đơn kháng cáo của chị Chu Thị Minh H trong thời hạn Luật định được coi là hợp lệ. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Chu Thị Minh H là người trực tiếp nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị H cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của chị H và anh T. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi cư trú của bị đơn.

Về tình cảm: Năm 2006, chị Chu Thị Minh H và anh Trần Chí T kết hôn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận T, thành phố H. Theo chị H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, rượu chè, hay đi sớm về muộn, đánh vợ và không quan tâm đến gia đình. Anh T trình bày vợ chồng vẫn sống hòa thuận, không có việc anh ngoại tình, đánh vợ và không quan tâm đến gia đình như chị H trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả thể hiện anh chị không có mâu thuẫn. Tài liệu chị H giao nộp cho Tòa án cũng không thể hiện việc anh T quan hệ ngoại tình. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014 nhận định tình cảm của anh chị không đến mức căng thẳng, chưa lâm vào tình trạng trầm trọng nên đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn và yêu cầu kháng cáo. Cả chị H và anh T đều xác

nhận vợ chồng ly thân mỗi người một nơi từ tháng 4/2020 đến nay. Anh T xét thấy tình cảm đã thực sự rạn nứt, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa bởi anh cố gắng hàn gắn nhưng chị H kiên quyết từ chối nên anh đề nghị Tòa án quyết định cho thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình “ *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau* ”, về vấn đề này trong tình trạng hiện tại cả anh T và chị H đều không có được. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng do chị H xác định tình cảm không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Phía anh T cũng xác định không còn khả năng hàn gắn và đã đồng ý ly hôn. Do đó, cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần phải sửa án sơ thẩm, công nhận thuận tình ly hôn theo điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về con chung: Chị Chu Thị Minh H và anh Trần Chí T có 02 con chung là cháu Trần Thành M (nam) sinh ngày 26/10/2007 và cháu Trần Hạnh N (nữ) sinh ngày 19/01/2013. Xét thấy, quyền chăm sóc con cái là nghĩa vụ của cả bố và mẹ, cháu M là con trai cần sự quan tâm chăm sóc của bố nên giao cháu Trần Thành Minh cho anh T nuôi dưỡng, còn cháu N là con gái hiện vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Trần Hạnh Nguyên cho chị H nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung (Động sản, bất động sản và nợ): Chị Chu Thị Minh H và anh Trần Chí T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Dành cho anh chị quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Chu Thị Minh H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh Trần Chí T phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 148, điều 228, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Chu Thị Minh H .

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 168/2020/HNGĐ - ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H và quyết định như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Minh H . Chị Chu Thị Minh H được ly hôn anh Trần Chí T .

2/ Về con chung: Xác nhận chị Chu Thị Minh H và anh Trần Chí T có 02 con chung là cháu Trần Thành M (nam) sinh ngày 26/10/2007 và cháu Trần Hạnh N (nữ) sinh ngày 19/01/2013.

Giao cháu Trần Thành M (nam) sinh ngày 26/10/2007 cho anh Trần Chí T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hạnh N(nữ) sinh ngày 19/01/2013 cho chị Chu Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi có sự thay đổi hay quyết định khác và cùng có quyền đi lại, hăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ: Chị Chu Thị Minh H và anh Trần Chí T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Chu Thị Minh H phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/3821 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T . Chị Chu Thị Minh H không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, trả lại chị H 300.000đồng tạm ứng án phí (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/4133 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T .

Anh Trần Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ phúc thẩm (chưa nộp)
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND quận T
- VKSND TP H.
- Dương sự.
- Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều T